

Bản án số: 895/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2017
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Lý

2. Bà Phan Thị Thúy Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1986

Thường trú: Chung cư C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1978

Thường trú: Khu tập thể M, phường N, quận K, Thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Chung cư C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có mặt, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Hoàng T trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức L tự nguyện chung sống năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 116, quyển số: 01/2008, cấp ngày 29/8/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 ông L thường xuyên đi công tác ở nước ngoài, thời gian kéo dài từ 08 đến 10 tháng mỗi nước. Quá trình công tác ở nước ngoài thời gian đầu ông L thường xuyên liên lạc, sau đó ông L lấy lý do không có mạng nên thiếu sự quan tâm, chia sẻ với bà và con, do khoảng cách xa xôi nên ông L không có điều kiện chăm sóc gia đình, vợ con làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến tháng 10/2015 ông L quay về Việt Nam làm việc một thời gian ngắn thì lại có ý định tiếp tục đi nước ngoài làm việc, bà không đồng ý nên giữa hai bên xảy ra xung đột, cãi vã gay gắt, do vậy, từ tháng 03/2016 bà và con gái đã thuê nhà sống riêng, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, tháng 10/2016 ông L đã gửi đơn ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, sau đó rút đơn, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã

ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 206/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2017 nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không giải quyết được. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Hoàng Diệp T1, sinh ngày 29/4/2010. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Đức L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông cũng như thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt. Do ông L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng Diệp T1, sinh ngày 29/4/2010. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Đức L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Hoàng T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức L, do ông L cư trú tại địa chỉ: Chung cư C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Bị đơn là ông Nguyễn Đức L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hoàng T và ông Nguyễn Đức L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà T và ông L phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có nhiều thời gian chung sống cùng nhau, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống, ông L đã nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn nhưng mâu thuẫn giữa hai bên không giải quyết được, bà T và ông L không sống chung từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Phía bị đơn là ông L mặc dù đã được Tòa án triệu tập để trình bày ý kiến về việc bà T xin ly hôn nhưng ông L không trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L.

[4]Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Hoàng Diệp T1, sinh ngày 29/4/2010. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, phía ông L không có ý kiến và không tham gia phiên tòa, hiện nay cháu T1 do bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cũng như căn cứ vào nguyện vọng của cháu T1 muốn được sống với bà T khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014 chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L do bà T không yêu cầu.

[5]Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]Về nợ chung: Không có.

[7]Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T phải nộp án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Hoàng T và ông Nguyễn Đức L.

- Về con chung: Ông L có trách nhiệm giao con tên Nguyễn Hoàng Diệp T1, sinh ngày 29/4/2010 cho bà T trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L do bà T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà T nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006111 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường V, Quận P,
TP.HCM,(để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy CNKH số: 116,
quyển số: 01/2008, cấp ngày 29/8/2008;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương